

QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI CÁC NHTM HIỆN NAY THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thị Hải Vân

Trong nền kinh tế thị trường lãi suất được xác định theo quan hệ cung – cầu quỹ cho vay. Do vậy bản thân các ngân hàng thương mại (NHTM) riêng lẻ không thể tự mình “làm giá” mà phải có sự chấp nhận của thị trường. Với tư cách là vừa là người đi vay vừa là người cho vay, các mức lãi suất đều tác động đến đầu vào và đầu ra của NHTM. Nguồn thu nhập chủ yếu của các NHTM là thu nhập lãi trên các khoản cho vay và đầu tư, chi phí chủ yếu cũng chính là chi phí lãi cho các khoản vay mượn. Chính vì vậy khi lãi suất thay đổi các ngân hàng sẽ phải đối mặt với một loại rủi ro tiềm tàng và nguy hiểm: rủi ro lãi suất.

Trong cuốn Bank Management (XB năm 1995) Timothy W. Koch cho rằng rủi ro lãi suất là sự thay đổi tiềm tàng về thu nhập lãi ròng và giá thị trường của vốn của ngân hàng xuất phát từ sự thay đổi của mức lãi suất. Thật vậy, khi lãi suất thay đổi theo hướng bất lợi các ngân hàng nhận thấy rằng nguồn thu chính của mình từ danh mục đầu tư và cho vay bị giảm đi trong khi chi phí đối với các khoản tiền gửi và đi vay đều tăng lên làm cho thu nhập lãi ròng giảm sút. Hơn nữa, lãi suất thay đổi làm thay đổi giá trị thị trường của các khoản mục

tài sản và nợ kéo theo thay đổi vốn của ngân hàng. Do vậy, lãi suất thay đổi có thể tác động đến toàn bộ Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của một ngân hàng.

Chính vì những ảnh hưởng quan trọng của rủi ro lãi suất đối với hoạt động ngân hàng mà các NHTM hiện nay không thể xem nhẹ vấn đề quản trị rủi ro lãi suất. Mục tiêu của quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM là hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất về thu nhập do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Để làm được điều đó, các NHTM phải có tổ chức quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng mình, đánh giá và kiểm soát rủi ro cũng như sử dụng các biện pháp để phòng chống rủi ro.

Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất của các NHTM Việt Nam.

Trong xu thế cạnh tranh và hội nhập hiện nay, các NHTM Việt Nam đã có sự quan tâm đến công tác phòng chống rủi ro nói chung và rủi ro lãi suất nói riêng. Tính đến nay, hầu hết các ngân hàng thương mại quốc doanh đều có Trung tâm hay Ủy ban quản lý rủi ro; một số NHTM cổ phần cũng đã thiết lập các bộ phận chuyên theo dõi và kiểm soát rủi ro trong đó có rủi ro lãi suất. Trên thực tế công tác quản lý rủi ro lãi

suất không được tách riêng biệt mà gắn chung với quản trị lãi suất và quản trị tài sản nợ - tài sản có, tuy nhiên có thể khái quát về thực trạng công tác này tại các NHTM Việt Nam như sau:

* Trong công tác quản lý lãi suất nói chung, các NHTM Việt Nam đã xây dựng và thường xuyên rà soát về chính sách lãi suất trong ngân hàng. Thời gian gần đây, các ngân hàng bắt đầu chú trọng đến tính linh hoạt trong chính sách lãi suất. Chẳng hạn các ngân hàng đã quan tâm đến việc định giá tiền gửi và cho vay theo nhiều cách khác nhau, đặc biệt là định giá theo giá trị cảm nhận đối với khách hàng để thu hút và giữ khách hàng. Cơ chế tự chủ của các chi nhánh ngân hàng trong việc quyết định lãi suất cũng được nới rộng, hầu hết các chi nhánh được quyết định các mức lãi suất ở một biên độ nhất định, những chi nhánh lớn thậm chí còn được toàn quyền quyết định chính sách lãi suất của chi nhánh mình. Đối với lãi suất tiền gửi các ngân hàng không còn quy định cứng nhắc như trước đây đưa ra một biểu lãi suất cố định mà mỗi ngân hàng đã đưa ra những mức lãi suất linh hoạt, ví dụ như hầu hết các ngân hàng hiện nay khuyến khích khách hàng gửi tiền đến hết kỳ hạn, nhưng nếu rút trước

hạn vẫn được hưởng một mức lãi suất ưu đãi (tiền gửi bậc thang), hoặc đối với tiền gửi không kỳ hạn nếu khách hàng duy trì số dư trung bình ở một mức nào đó sẽ được hưởng lãi suất thưởng... Đối với lãi suất tiền vay cũng được định giá linh hoạt hơn so với trước đây. Bên cạnh đó khách hàng có thể thỏa thuận với ngân hàng về phương thức tính lãi, cách trả lãi và nợ vay....

* Về các bước quản trị rủi ro lãi suất, các ngân hàng cũng đã bắt đầu quan tâm đến việc nhận diện ra rủi ro lãi suất để có những điều chỉnh thích hợp. Thông qua việc rà soát thường xuyên cơ cấu tài sản có và tài sản nợ, cũng như danh mục tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất để nhận biết rủi ro lãi suất và có hướng khắc phục. Ví dụ, khi lãi suất thị trường có xu hướng tăng lên như hiện nay, các ngân hàng có xu hướng cho vay ngắn hạn nhiều hơn so với cho vay dài hạn, hoặc quy định về kỳ hạn định lại lãi suất ngắn hơn.

* Về việc sử dụng các công cụ để phòng vệ rủi ro lãi suất, ngày 30/09/2003 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã chính thức đưa vào sử dụng nghiệp vụ hoán đổi lãi suất. Đây là việc các bên ký kết hợp đồng với nhau, theo đó mỗi bên cam kết thanh toán cho bên kia khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định trên cùng một khoản nợ gốc trong cùng một khoảng thời gian. Việc làm này nhằm giúp các tổ chức tín dụng và DN phòng ngừa, hạn chế rủi ro do biến động của lãi suất thị



Quầy gửi tiền thanh toán tại Sài Gòn Công thương ngân hàng

trường. Các trường hợp được thực hiện hoán đổi lãi suất VND hoặc ngoại tệ thứ nhất là giữa ngân hàng với DN vay vốn tại ngân hàng đó; thứ hai là giữa ngân hàng với DN vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác, vay vốn nước ngoài; thứ ba: giữa các ngân hàng với nhau và thứ tư là giữa ngân hàng với tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

Có thể thấy NHNN điều hành theo cơ chế lãi suất thỏa thuận đã tạo tính chủ động cao hơn cho các NHTM trong việc điều hành lãi suất và chính điều đó cũng kéo theo các NHTM phải thường xuyên đối mặt với rủi ro lãi suất hơn. Một số NHTM đã nhận thấy điều này tuy nhiên những kết quả đạt được trong công tác quản trị rủi ro lãi suất của các NHTM hiện nay còn rất khiêm tốn, chỉ mới dừng lại ở bước nhập đề, bước giới thiệu trong khi rủi ro đã đến rất gần. Thực tế về quản trị rủi

ro lãi suất tại các NHTM Việt Nam còn nhiều điểm tồn tại sau:

* *Thứ nhất*, các ngân hàng còn chưa xem việc xây dựng quy trình quản trị rủi ro lãi suất là một việc cần thiết trong công tác quản trị rủi ro nói chung và công tác quản trị rủi ro lãi suất nói riêng. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân từ sự nhận thức chủ quan của các ngân hàng về vấn đề rủi ro lãi suất, chưa thực sự xem nó là một rủi ro hiện hữu cần phải đối mặt và xử lý, chưa thấy được những hậu quả nó có thể mang lại cho chính ngân hàng.

* *Thứ hai*, ở hầu hết các ngân hàng hiện nay chỉ mới dừng lại ở việc rà soát cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn như thế nào để định hướng hay xác định khuynh hướng rủi ro chứ chưa đi đến việc lượng định rủi ro như thế nào để tìm cách điều tiết thích hợp. Chính vì thế, khi rủi ro xảy ra, ngân hàng hoàn toàn thụ động

trước những tác động của diễn biến của lãi suất thị trường.

* **Thứ ba**, từ chỗ không có cách định lượng rủi ro nên việc sử dụng các biện pháp điều tiết và phòng ngừa rủi ro tại các NHTM dường như thiếu vắng. Phản ứng đối với rủi ro của các ngân hàng còn chậm chạp do chỉ tập trung vào việc thay đổi hay tái cấu trúc cơ cấu tài sản có và nợ phải trả (mà để làm được điều này cần phải có thời gian). Các công cụ phòng vệ rủi ro lãi suất đã không được sử dụng như những giải pháp kịp thời. Công cụ hợp đồng hoán đổi lãi suất mặc dù đã được NHNN đưa vào thực hiện nhưng trên thực tế rất ít ngân hàng áp dụng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, hiện chỉ có

một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài (HSBC, City bank...) thực hiện hoán đổi lãi suất với các khách hàng là doanh nghiệp nước ngoài. Ngoài ra, các ngân hàng cũng chưa thể xây dựng được hạn mức rủi ro tổng thể nói chung và rủi ro lãi suất nói riêng để có cơ chế theo dõi, giám sát rủi ro thích hợp.

* **Thứ tư**, công tác thông tin, công tác dự báo trong ngân hàng còn nhiều bất cập, yếu kém làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng quản trị nói chung và hiệu quả của quản trị rủi ro lãi suất nói riêng. Để phân tích rủi ro lãi suất, các NHTM cần có các phương pháp và các chương trình điện toán thích hợp để xác định tài sản có và tài sản nợ theo thời hạn đến

hạn thanh toán theo các mô hình ứng dụng. Điều này đòi hỏi một trình độ cao về phân tích và việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổng hợp, xử lý dữ liệu. Ngoài ra, trong điều kiện thực hiện lãi suất thả nổi, tình hình diễn biến lãi suất trên thị trường luôn luôn diễn ra phức tạp đòi hỏi sự nhạy bén và nắm sát tình hình của người làm công tác dự báo. Trong khi đó các NHTM Việt Nam chỉ mới dừng lại ở việc ban hành các chính sách lãi suất mà chưa xây dựng được hệ thống thông tin bên trong và bên ngoài một cách đầy đủ để phục vụ cho việc dự báo những thay đổi lãi suất trong tương lai.

Những giải pháp...

(tiếp theo kỳ sau)

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ QUY ĐỊNH... (tiếp theo trang 9)

2 Đối với tổ chức và hoạt động các quỹ tiết kiệm - tín dụng, quỹ hỗ trợ... của các quỹ thuộc tổ chức chính trị - xã hội:

Cần thiết phải điều chỉnh theo luật các tổ chức tín dụng nhưng cần có lộ trình cần thiết để thích ứng với quy định mới của Nghị định vừa đảm bảo được mục tiêu tương trợ đối với hội viên, đoàn viên. Vì vậy thông tư hướng dẫn cần phù hợp với thực tiễn tổ chức và hoạt động của các tổ chức này.

3 Điều kiện trình độ quản lý và điều hành như hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát: (khoản 4 điều 6, chương III)

Cần được xem xét thấu đáo vừa đạt mục tiêu khuyến khích thành

lập mới vừa đảm bảo an toàn hoạt động cho các tổ chức đó.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2005/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam là một văn bản pháp lý quan trọng giúp cho các tổ chức tài chính quy mô nhỏ có hoạt động tín dụng nhỏ tuân thủ các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của mình; đồng thời tạo điều kiện phát triển, thành lập mới, mở rộng việc cung cấp tín dụng nhỏ cho cá nhân, hộ nghèo, hộ chính sách ở nông thôn, miền núi, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng về mức sống giữa các tầng lớp

dân cư thực hiện có kết quả chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo giai đoạn năm 2006-2010 của Chính phủ nhằm giảm hộ nghèo từ 26% năm 2006 còn 15% năm 2010 (theo chuẩn nghèo mới), sớm đưa nước ta khỏi danh sách các nước nghèo.

Để đạt được mục tiêu trên, mong các cơ quan nhà nước có liên quan xem xét để trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi Nghị định, ban hành thông tư hướng dẫn phù hợp với thực tiễn để một văn bản quy phạm pháp luật quan trọng sớm đi vào cuộc sống; giúp cho các tổ chức tài chính quy mô nhỏ hoạt động an toàn, có hiệu quả và phát triển ■